

Số: 562/TB-TTYT

Kiên Lương, ngày 27 tháng 05 năm 2024

THÔNG BÁO

Về việc Kết quả lựa chọn nhà thầu

Gói thầu: Mua hóa chất, sinh phẩm xét nghiệm.

Địa điểm: Số 1- Đường Trần Hưng Đạo-Khu Phố Kiên Tân-Thị trấn Kiên Lương-huyện Kiên Lương-tỉnh Kiên Giang.

Kính gửi: Công Ty TNHH Kỹ Thuật Minh Khoa

Căn cứ Quyết định số 561 /QĐ-TTYT, ngày 27/05/2024 của Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Kiên Lương về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu: Mua hóa chất, sinh phẩm xét nghiệm.

Nay Trung tâm Y tế huyện Kiên Lương xin thông báo như sau:

1. Danh sách nhà thầu trúng thầu:

Tên nhà thầu trúng thầu: Công Ty TNHH Kỹ Thuật Minh Khoa

Danh mục hàng hóa: (Danh mục hàng hóa chi tiết kèm theo gồm 28 khoản).

2. Danh sách các nhà thầu không trúng thầu:

- Công Ty TNHH Một Thành Viên Âu Việt (Lý do: Giá cao)
- Công Ty TNHH Thiết Bị EDC (Lý do: Giá cao)

3. Tổng số tiền trúng thầu: 196.551.500 đồng (VNĐ).

(Bằng chữ: Một trăm chín mươi sáu triệu, năm trăm năm mươi một ngàn, năm trăm đồng).

- Thời gian thực hiện hợp đồng: Từ ngày 27/05/2024 đến ngày 10/07/2024.

4. Kế hoạch hoàn thiện, thương thảo và ký kết hợp đồng với nhà thầu được lựa chọn:

- Đề nghị đại diện nhà thầu: Công Ty TNHH Kỹ Thuật Minh Khoa

liên hệ với Trung tâm Y tế huyện Kiên Lương, địa chỉ: Số 1, Trần Hưng Đạo- Khu Phố Kiên Tân-thị trấn Kiên Lương- huyện Kiên Lương-tỉnh Kiên Giang, để thương thảo hợp đồng và hoàn thiện ký kết hợp đồng thực hiện gói thầu này trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo này.

Rất mong nhận được sự hợp tác của Quý Công ty.

Nơi nhận:

- Nhà thầu;
- Lưu VT; KD.

GIÁM ĐỐC KT GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



BS CKL Nguyễn Văn Khoa

DANH MỤC MUA HÓA CHẤT, SINH PHẨM XÉT NGHIỆM

(Kèm theo Thông báo 562/QĐ-TTĐT, ngày 27/5/2024)

STT	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Xuất xứ	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền
1	Anti D (Serum anti D)	Anti D	Spectrum – Ai Cập	Quy cách: 10 ml/ Lọ	Lọ	2	189.000	378.000
2	Test Dengue IgM/IgG. (Test thử sốt huyết)	Dengue IgG/IgM Rapid Test Cassette	Acro - Mỹ	Quy cách: 30 test/ hộp	Test	90	52.500	4.725.000
3	Test Determine HIV 1/2	Test HIV Determine 1/2	Abott – Nhật Bản	Quy cách: 50 test/ gói	Test	200	39.900	7.980.000
4	Test nhanh chẩn đoán lao. dạng Cassette.	Test TB IgG/IgM	CTK-Mỹ	Quy cách: 30 test/ hộp	Test	30	46.200	1.386.000
5	Test nhanh HAV chuẩn đoán viêm gan A	Test HAV IgM	CTK-Mỹ	Quy cách: 30 test/ hộp	Test	90	52.500	4.725.000
6	Test nhanh HBsAg chuẩn đoán viêm gan B	Test chẩn đoán viêm gan B One Step HBsAg	Intec - Trung Quốc	Quy cách: 50 test/ hộp	Test	50	10.500	525.000
7	Test nhanh phát hiện Morphin (Morphine/ Heroin/ Opiates).3 mm	Quick Test Heroin - Morphine - Opiates (strip 3.0) (H/50)	Amvibiotech - Việt Nam	Quy cách: 50 test/ hộp	Test	100	12.600	1.260.000
8	Test thử Amphetamine 4 mm (Test thử ma túy)	Quick Test AMP strip 4.0 (H/50)	Amvibiotech - Việt Nam	Quy cách: 50 test/ hộp	Test	50	21.000	1.050.000
9	Test đường huyết Nipro	Que thử đường huyết Nipro	Nipro - Đức	Quy cách: 25 test /hộp	Test	400	12.600	5.040.000
10	Acid washing solution. (Chai 500ml)	Acid washing solution.	Tokyo Boeki - Nhật Bản	Quy cách: Chai/500ml	Chai	1	2.415.000	2.415.000
11	ALAT/GPT	Measure ALT	UMA - Nhật Bản	Hộp 400ml: R1 (5x60 mL); R2 (5x20 mL)	Hộp	2	3.780.000	7.560.000
12	ASAT/GOT	Measure AST	UMA - Nhật Bản	Hộp 400ml: R1 (5x60 mL); R2 (5x20 mL)	Hộp	1	3.780.000	3.780.000
13	Amylase	Measure AMYG7	UMA - Nhật Bản	Hộp 72ml : R1 (60 mL); R2 (12 mL)	Hộp	3	4.718.700	14.156.100
14	Cholesterol	Measure TC	UMA - Nhật Bản	Hộp 400ml: R1 (5x60 mL); R2 (5x20 mL)	Hộp	1	2.730.000	2.730.000
15	Triglycerides	Measure TG	UMA - Nhật Bản	Hộp 400ml: R1 (5x60 mL); R2 (5x20 mL)	Hộp	1	6.300.000	6.300.000
16	Urea - BUN UV	Measure UN	UMA - Nhật Bản	Hộp 400ml: R1 (5x60 mL); R2 (5x20 mL)	Hộp	1	3.803.000	3.803.000
17	Creatinine	Measure CRE	UMA - Nhật Bản	Hộp 400ml: R1 (5x60 mL); R2 (5x20 mL)	Hộp	1	5.605.000	5.605.000
18	Glucose	Measure GLU	UMA - Nhật Bản	Hộp 400ml: R1(5x60 mL); R2 (5x20 mL)	Hộp	6	3.366.300	20.197.800

19	Creatin Kinase-MB (CK-MB)	Measure CK-MB	UMA - Nhật Bản	Hộp 75 ml: R1 (60 mL); R2 (15 mL)	Hộp	4	5.040.000	20.160.000
20	DD phá Hồng cầu (Hemolynac-5N) (Can/ 500 ml)	Dung dịch Hemolynac5	Nihonkohden - Trung Quốc/ Nhật Bản	Quy cách : Can/500 ml.	Can	1	3.255.000	3.255.000
21	Dung Dịch phá Hồng cầu (Hemolynac-3N) (Can/ 500 ml)	Dung dịch Hemolynac3	Nihonkohden - Trung Quốc/ Nhật Bản	Quy cách: Can/500 ml.	Can	4	2.710.000	10.840.000
22	Dung Dịch pha loãng (Isotonac - 3N/Diluent) (Thùng/18 lít)	Dung dịch Isotonac	Nihonkohden - Trung Quốc/ Nhật Bản	Quy cách: Thùng/18 lít	Thùng	8	2.100.000	16.800.000
23	Dung Dịch rửa Cleanac 3 Hypochlorite (Thùng/ 5 lít)	Dung dịch Cleanac3	Nihonkohden - Trung Quốc/ Nhật Bản	Quy cách: Thùng/ 5 lít.	Thùng	1	3.800.000	3.800.000
24	Dung Dịch rửa Cleanac Detergent (Thùng/ 5 lít)	Dung dịch Cleanac	Nihonkohden - Trung Quốc/ Nhật Bản	Quy cách: Thùng/ 5 lít.	Thùng	3	3.800.000	11.400.000
25	Easylyte Na/K/Ca/pH Solution Pack 800ml	Easylyte Na/K/Ca/pH Solution Pack 800ml	Medica - Mỹ	Quy cách: Hộp/800 ml.	Hộp	2	10.500.000	21.000.000
26	Daily Rinse Kit (nước rửa ION đồ) (Hộp / 90 ml)	Daily Rinse Kit (nước rửa ION đồ) (Hộp / 90 ml)	Medica - Mỹ	Hộp/ 90 ml.	Hộp	1	1.830.600	1.830.600
27	APTT- XL	Hóa chất xét nghiệm APTT	Helena Biosciences Europe/Anh	Hộp 50 ml: 5x5ml;5x5ml	Hộp	1	6.350.000	6.350.000
28	Cassette B Opti CCA TS (Hộp/25 Test)	Cassette B Opti CCA TS (Hộp/25 Test)	Opti Medical - Mỹ	Quy cách đóng gói: Hộp/25 Test.	Test	25	300.000	7.500.000

TỔNG CỘNG

196.551.500

Bảng chữ : Một trăm chín mươi sáu triệu, năm trăm năm mươi một nghìn, năm trăm đồng./.